LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV152011777/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN SẠCH VIỆT NAM XANH**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Tổ dân phố Khuê Bích, Phường Trần Liễu, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **BỘT SẮN DÂY**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong túi kín; khối lượng: 500g/túi; số lượng: 01 túi
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 25/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 25/07/2026-06/08/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 06/08/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Arsen (As) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
2	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
3	Cadimi (Cd) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
4	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017
5	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
6	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
7	*Bacillus cereus* *	CFU/g	< 10	ISO 7932:2004 / Amd 1:2020
8	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
9	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
10	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	$1,9x10^2$	TCVN 8275-2:2010

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV152011777/02

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	$5,6x10^2$	TCVN 4884-1:2015

Ghi chú/ *Note:*

- KPH: Không phát hiện

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*